

Số: 778/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 16 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 08 thủ tục hành chính ban hành mới, danh mục 08 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 727/TTr-SLĐTBXH ngày 06 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 08 thủ tục hành chính ban hành mới và danh mục 08 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Phòng KSTT (HCT), KGVX, TTTTĐT;
- Lưu: VT, SLĐTĐBXH.



Cao Văn Trọng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG,
NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực bảo trợ xã hội

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa đối tượng trẻ mồ côi cả cha mẹ, trẻ bị bỏ rơi vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội	07 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/ 9/2017 của Chính phủ.
2	Xét trợ cấp đối với trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất người nuôi dưỡng	20 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/ 4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;
3	Giải quyết hồ sơ trợ cấp xã hội thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội đối với đối tượng tâm thần, tàn tật	10 ngày làm việc	UBND cấp xã, Phòng Lao động - TBXH	Không	
4	Giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội.	07 ngày làm việc	UBND cấp xã; Phòng LĐ - TBXH	Không	Thông tư liên tịch số 29/TTLT -BLĐ TBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013
5	Giải quyết hồ sơ trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng đối với người từ 80 tuổi trở lên không lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội.	20 ngày làm việc	UBND cấp xã; Phòng Lao động - TBXH	Không	

6	Giải quyết trợ cấp, cứu trợ đột xuất tại cộng đồng	Trong ngày làm việc	UBND cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
7	Xét trợ cấp xã hội đối với gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng, không có khả năng tự phục vụ.	20 ngày làm việc	UBND cấp xã; UBND cấp huyện.		Luật Người khuyết tật; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;
8	Hỗ trợ gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi thuộc hộ nghèo.	10 ngày làm việc	UBND cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Thông tư liên tịch 29/2014/TT- BLĐ TBXH-BTC ngày 24/10/ 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013 /NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực: Người có công		
1	Xác nhận hồ sơ cấp sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo	Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
II. Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội		
2	Xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa đối tượng trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ trẻ em.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
3	Xét trợ cấp đối với trẻ em từ 18 tháng tuổi đến dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất người nuôi dưỡng, trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc gia đình nghèo.	Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
4	Xét trợ cấp đối với người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, thuộc hộ gia đình nghèo.	
5	Xét trợ cấp xã hội đối với gia đình có 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.	
6	Xác nhận hồ sơ đề nghị giải quyết hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội.	
7	Đề nghị cứu trợ đột xuất.	
8	Xét trợ cấp đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên không lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội.	